

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐAK KRONG
Số: 108/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đak Krong, ngày 20 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐAK KRONG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Đak Krong về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2021.

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của xã Đak Krong. (Các biểu kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng UBND xã, Tài chính – kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- 08 thôn, làng;
- Lưu VT-KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

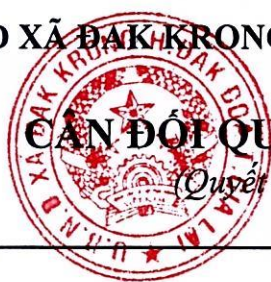
CHỦ TỊCH



Vũ Đăng Tuấn

UBND XÃ ĐAK Krong

Biểu số 116/CK TC-NSNN

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021***(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	7.135.570.808	TỔNG SỐ CHI	6.467.800.034
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	81.848.126	I. Chi đầu tư phát triển	582.686.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	346.309.829	II. Chi thường xuyên	5.885.114.034
III. Thu bổ sung	6.022.550.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- <i>Bổ sung cân đối</i>	4.211.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	1.811.550.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	198.788		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	684.664.065		
Kết dư ngân sách	667.770.774		

UBND XÃ ĐAK Krong



Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị:
đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.853.000.000	4.775.200.000	7.281.466.308	7.135.570.808	150,04	149,43
I	Các khoản thu 100%	79.000.000	79.000.000	135.636.692	131.642.840	171,69	166,64
	- Phí, lệ phí	35.000.000	35.000.000	29.731.000	29.731.000	84,95	84,95
	- Thu khác và phạt các loại	11.000.000	11.000.000	48.110.978	44.117.126	437,37	401,06
	- Thu xử phạt ATGT	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	100,00	100,00
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	25.000.000	25.000.000	49.794.714	49.794.714	199,18	199,18
	- Thu khác				0		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	234.000.000	156.200.000	438.416.763	296.515.115	187,36	189,83
1	<i>Các khoản thu phân chia</i>	234.000.000	156.200.000	438.416.763	296.515.115	187,36	189,83
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000.000	10.000.000	4.034.054	4.034.054		
	- Thu tiền sử dụng đất	90.000.000	72.000.000	76.400.000	61.120.000	84,89	84,89
	- Thuế thu nhập cá nhân	85.000.000	59.500.000	309.915.620	216.940.934	364,61	364,61
	- Thuế giá trị gia tăng	49.000.000	14.700.000	48.067.089	14.420.127	98,10	98,10



	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			684.664.065	684.664.065		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			198.788	198.788		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.540.000.000	4.540.000.000	6.022.550.000	6.022.550.000	132,66	132,66
	- Thu bổ sung cân đối	4.264.000.000	4.264.000.000	4.211.000.000	4.211.000.000	98,76	98,76
	- Thu bổ sung có mục tiêu	276.000.000	276.000.000	1.811.550.000	1.811.550.000	656,36	656,36

UBND XÃ ĐAK Krong



Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn
vị:
đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.772.200.000	72.000.000	4.700.200.000	6.467.800.034	582.686.000	5.885.114.034	135,53	809,29	125,21
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	26.000.000		26.000.000	14.940.000		14.940.000	57,46		57,46
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0								
3	Chi y tế	77.160.000		77.160.000	62.600.000		62.600.000	81,13		81,13
4	Chi văn hóa, thông tin	20.000.000		20.000.000	0		0	0,00		0,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0						
6	Chi thể dục thể thao	75.000.000		75.000.000	10.080.000		10.080.000	13,44		13,44
7	Chi bảo vệ môi trường	55.000.000		55.000.000	150.910.000		150.910.000			274,38
8	Chi các hoạt động kinh tế	0			272.280.000		272.280.000			



9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.337.040.000		4.337.040.000	5.267.504.034		5.267.504.034	121,4 5		121,4 5
10	Chi cho công tác xã hội	20.000.000		20.000.000	16.800.000		16.800.000	84,00		84,00
11	Chi khác	0		0						
12	Dự phòng	90.000.000		90.000.000			90.000.000			
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0								

UBND XÃ ĐẠK Krong



Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị:
đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12 2020	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
					Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp				Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		600.000.000	0	0	582.686.000		582.686.000	0
1. Công trình chuyển tiếp								
2. Công trình khởi công mới		600.000.000	0	0	582.686.000		582.686.000	
Nhà dân quân xã Đak Krong		600.000.000			582.686.000		582.686.000	
Trong đó: hoàn thành trong năm								
Nhà dân quân xã Đak Krong		600.000.000			582.686.000		582.686.000	

